

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2026

V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thao; Bà Nguyễn Thị Hiền.

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 25/01/1989, CCCD số 030189001543; ĐKTT: TDP H, phường T, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Cụm L, thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng; Hiện đang làm việc tại Nhật Bản.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản, tài liệu: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Cụm L, thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 24/9/1981, CCCD số 030081002495; Địa chỉ: TDP H, phường T, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1961, CCDC số 030161003406; Địa chỉ: Cụm L, thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/12/2008 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại TDP H, phường T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không phù hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Anh T không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, ngoài ra bản thân chị cũng không thể hòa hợp được với gia đình anh T, không nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của gia đình. Đến năm 2020 chị và anh T chuyển về ở cùng với mẹ đẻ chị ở thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng được khoảng 1 năm thì thuê nhà trọ ra ngoài ở riêng. Tuy nhiên vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, kinh tế gia đình khó khăn nên chị phải sang Nhật Bản lao động. Tại Nhật Bản công việc của chị rất vất vả nhưng cũng không nhận được quan tâm, động viên chia sẻ của anh T. Anh T ở nhà không chăm lo cho các con, chị nhiều lần góp ý nhưng anh T không thay đổi mà còn chửi bới, xúc phạm chị, vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, chị trao đổi với anh T về việc ly hôn, anh T nói đồng ý. Do đó chị nghĩ phép về Việt Nam làm thủ tục ly hôn, anh T biết chị về nhưng không liên lạc với chị, chị gọi điện anh T không nghe máy. Đến nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/10/2009, Nguyễn Hải Q, sinh ngày 10/9/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 04/11/2020. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Nguyễn Văn P, còn đối với 2 con Nguyễn Hoài N, Nguyễn Hải Q có nguyện vọng với với bố nên chị nhất trí để cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do chị đang lao động ở nước ngoài nên đề nghị tạm giao con Nguyễn Văn P cho mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Nhật Bản nên ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị H. Thời gian đầu sau khi chị H anh T kết hôn chung sống với nhau tại TDP H, phường T, thành phố Hải Phòng và ở cùng với bố mẹ đẻ anh T.

Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hòa hợp tính cách, bất đồng quan điểm, ngoài ra chị H còn mâu thuẫn cả với gia đình nhà chồng. Do đó từ khoảng năm 2012 vợ chồng chị H chuyển về ở cùng với gia đình bà, được khoảng 1 năm thì thuê nhà trọ ra ở riêng nhưng vẫn ở cùng thôn với bà. Thời gian đó bà thấy vợ chồng chị H vẫn hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Do kinh tế khó khăn nên năm 2022 chị H sang Nhật Bản lao động. Anh T ở nhà không chia sẻ khó khăn với vợ mà thường xuyên yêu cầu chị H gửi tiền về dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn. Anh T chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ, từ đó anh T không liên lạc hay qua lại gia đình bà nữa. Khi chị H nghỉ phép về nước đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không liên lạc, không gặp gỡ chị H, chị H gọi điện anh T không nghe. Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/10/2009, Nguyễn Hải Q, sinh ngày 10/9/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 04/11/2020. Bà nhất trí với quan điểm của chị H, nếu chị H được Tòa án giao nuôi con bà sẽ thay chị H chăm sóc các cháu cho đến khi chị H về Việt Nam.

Do chị H đang làm việc tại Nhật Bản, chị H ủy quyền cho bà thay chị H giao nhận văn bản, tài liệu của Tòa án, bà đã nhận và thông báo chị H biết, chị H giữ đơn khởi kiện và các quan điểm đã trình bày.

Cháu Nguyễn Hoài N, cháu Nguyễn Hải Q trình bày: Nếu bố các cháu ly hôn, các cháu xin được ở với bố là Nguyễn Mạnh T.

Người làm chứng bà Tống Thị L1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Mạnh T. Sau khi chị H, anh T kết hôn thì chung sống với nhau ở tại gia đình bà được khoảng 6 năm thì chuyển về nhà mẹ của chị H sinh sống. Đến năm 2022 chị H sang Nhật Bản lao động, bố con anh T chuyển về ở cùng với bà. Thời gian vợ chồng chị H sống tại gia đình bà không có mâu thuẫn gì, còn khi chung sống ở quê ngoại có mâu thuẫn gì hay không bà không rõ. Từ khi chị H đi nước ngoài, chị H không quan tâm đến anh T nữa. Gần đây chị H về nước làm đơn xin ly hôn anh T, Tòa án nhiều lần gửi giấy báo cho anh T, bà có bảo anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T nói chị H muốn ly hôn thì tự chị H giải quyết. Về con chung: Chị H và anh T có 3 con chung là Nguyễn Hoài N, Nguyễn Hải Q, Nguyễn Văn P. Trước cả 3 cháu đều ở cùng với anh T, khi chị H về nước chị H đón cháu Q, cháu P về ở cùng với bà ngoại. Anh T làm thợ điện nước thu nhập của anh T như thế nào bà không biết, về nhà đất anh T chưa có hiện vẫn ở nhờ nhà bà, điều kiện chỗ ở đảm bảo cho bố con anh T sinh hoạt. Tòa án giao cho bà văn bản tố tụng bà nhận thay anh T và cam đoan sẽ giao lại cho anh T.

Theo biên bản xác minh tại TDP H: Chị H và anh T có đăng ký thường trú tại TDP H, phường T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh T chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T. Sau đó do mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên vợ chồng chị H chuyển về quê mẹ đẻ chị H sinh sống. Đến năm 2022 chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài còn anh T chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ ông T1, bà L. Về mâu thuẫn của hai anh chị địa phương không rõ. Về con chung: Vợ chồng anh T có 3 con chung là Nguyễn Hoài N, Nguyễn Hải Q, Nguyễn Văn P. Cháu N, cháu Q đang ở với bố và đã nghỉ học, còn cháu P đang ở với bà ngoại.

Theo xác minh tại Phòng Q1 – Công an thành phố H cung cấp: Chị Nguyễn Thị H xuất cảnh lần gần nhất ngày 05/02/2026 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T; Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Hoài N, Nguyễn Hải Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Văn P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; T2 giao con chung Nguyễn Văn P cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Nguyễn Thị H về Việt Nam; Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, đăng ký thường trú tại TDP H, phường T, thành phố Hải Phòng hiện đang làm việc, sinh sống tại Nhật

Bản; bị đơn anh Nguyễn Mạnh T hiện đang cư trú tại TDP H, phường T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/12/2008 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Chị H trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách. Do kinh tế khó khăn nên từ năm 2022 chị sang Nhật Bản lao động, mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng hơn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, có ý thức bỏ mặc. Bà Nguyễn Thị L mẹ đẻ của chị H trình bày về mâu thuẫn của chị H anh T phù hợp với lời khai của chị H, phù hợp với biên bản xác minh tại TDP H, lời khai của bà Tống Thị L1 là mẹ đẻ anh T. Do đó đủ cơ sở xác định quá trình chị H, anh T chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2022 chị H đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa nhau đã không còn không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có 03 con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/10/2009, Nguyễn Hải Q, sinh ngày 10/9/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 04/11/2020. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi con Nguyễn Văn P đồng ý để anh T nuôi dưỡng hai con Nguyễn Hoài N, Nguyễn Hải Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L chăm sóc con Nguyễn Văn P cho đến khi chị về Việt Nam. Anh T không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm về việc nuôi con chung

khi ly hôn. Xét thấy con Nguyễn Văn P hiện còn nhỏ hiện đang ở cùng với bà L, điều kiện sinh hoạt đảm bảo, môi trường sống ổn định. Cháu Nguyễn Hoài N, Nguyễn Hải Q đã trên 7 tuổi, trình bày nguyện vọng xin được ở với bố. Do đó HĐXX, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung Nguyễn Hoài N, Nguyễn Hải Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Văn P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tạm giao con chung Nguyễn Văn P cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị H về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/10/2009 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 10/9/2011 cho anh Nguyễn Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 04/11/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Nguyễn Văn P cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Nguyễn Thị H về Việt Nam.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/26E

số 0000047 ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- Đường sự;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường T, TP Hải Phòng (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy